

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
HUYỆN THẠNH TRỊ **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
TỈNH SÓC TRĂNG

Bản án số: 16/2020/HNGĐ-ST.

Ngày 21-8-2020.

V/v “Tranh chấp ly hôn”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠNH TRỊ, TỈNH SÓC TRĂNG

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Thị Bích Phượng.

Các Hội thẩm nhân dân: - Ông Võ Tấn Nga.

- Ông Dương Văn Phước.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Huỳnh Ni – Thư ký Toà án nhân dân huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Cường – Kiểm sát viên.

Trong ngày 21 tháng 8 năm 2020 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 119/2020/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 06 năm 2020, về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 60/2020/QĐXX-ST ngày 08 tháng 07 năm 2020 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà Phan Thị L, sinh năm 1975.

Địa chỉ: Ấp A, xã V, huyện TH, tỉnh Sóc Trăng.

(có mặt)

- **Bị đơn:** Ông Nguyễn Văn M, sinh năm 1973.

Địa chỉ: Ấp A, xã V, huyện TH, tỉnh Sóc Trăng.

(có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và tại phiên tòa nguyên đơn bà Phan Thị L trình bày:

Bà Phan Thị L và ông Nguyễn Văn M cưới nhau năm 1993 không có đăng ký kết hôn, sau khi cưới nhau bà và ông M chung sống hạnh phúc với nhau được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi vã dẫn đến cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc. Bà L và ông M

đã sống ly thân từ năm 2017. Nay bà L yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Văn M.

Về con chung: Trong thời gian chung sống bà L và ông M có 02 người con tên Nguyễn Văn T, sinh năm 1995 và Nguyễn Văn H, sinh năm 1997, hiện các con đã trưởng thành.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có tài sản, không có nợ, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 04/08/2020 ông Nguyễn Văn M trình bày:

Ông và bà L tự nguyện cưới nhau năm 1993 không có đăng ký kết hôn. Sau khi cưới nhau vợ chồng chung sống hạnh phúc với nhau được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, vợ chồng thường xuyên cãi vã, bà L đã bỏ nhà đi từ năm 2017, bà L yêu cầu ly hôn và ông đồng ý ly hôn.

Về con chung: Ông M và bà L có 02 người con chung tên Nguyễn Văn T, sinh năm 1995 và Nguyễn Văn H, sinh năm 1997, hiện các con đã trưởng thành.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có tài sản, không có nợ, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Kiểm sát viên tham gia phiên tòa trình bày: Từ khi thụ lý đến kết thúc phần tranh luận tại phiên tòa Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa, các thành viên Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định của pháp luật. Về quan điểm giải quyết vụ án đề nghị không cộng nhận bà L và ông M là vợ chồng, các vấn đề khác không yêu cầu nên không giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Trong quá trình tiến hành tố tụng Tòa án tiến hành tổng đạt thông báo thụ lý, thông báo mở phiên họp công khai tài liệu chứng cứ và hoà giải, triệu tập tham gia phiên tòa đối với bị đơn ông Nguyễn Văn M. Nhận thấy đây là phiên tòa lần thứ nhất, bị đơn đã được triệu tập và có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt ông Nguyễn Văn M.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn bà Phan Thị L khởi kiện yêu cầu xin ly hôn với bị đơn ông Nguyễn Văn M, ông M thống nhất với lời trình bày của bà L về quan hệ hôn nhân là ông, bà cưới nhau năm 1993 và không có đăng ký kết hôn. Xét về mối quan hệ hôn nhân giữa bà L và ông M, Hội đồng xét xử nhận thấy theo quy định tại khoản 1 Điều 9; khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình quy định nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng

mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng, do vậy Hội đồng xét xử cần tuyên không công nhận bà L và ông M là vợ chồng.

[3] Về con chung: Nguyên đơn bà Phan Thị L và bị đơn ông Nguyễn Văn M có hai người con chung, tuy nhiên các con đã trưởng thành, có khả năng tự sinh sống nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết về việc nuôi con.

[4] Về Tài sản chung, nợ chung: Các đương sự trình bày không có nợ, không có tài sản chung và không có tranh chấp gì nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về án phí: Bà Phan Thị L là người khởi kiện nên phải chịu án phí hôn nhân 300.000 đồng theo quy định tại điểm a khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/PL-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án”.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: Khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 9; khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/PL-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận bà Phan Thị L và ông Nguyễn Văn M là vợ chồng theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không có yêu cầu nên Hội đồng không đặt ra xem xét.

Về án phí: Nguyên đơn bà Phan Thị L phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng, khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà L đã nộp theo biên lai thu số 0003187 ngày 15/06/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Thạnh Trị, bà L đã nộp xong án phí.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (đối với đương sự vắng mặt kể từ ngày nhận bản án hoặc niêm yết bản án tại Ủy Ban nhân dân nơi đương sự cư trú) để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Thạnh Trị;
- Chi cục THADS huyện Thạnh Trị;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Trịnh Thị Bích Phượng